

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-2-2023

V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ1, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sầm Thị Thiên

Ông Vi Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1986; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ nơi tạm trú: Thôn K, xã C, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Ninh Văn S, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước thời điểm chị Hoàng Thị S kết hôn với anh Ninh Văn S, chị Hoàng Thị S đã có 01 người con riêng. Sau đó chị Hoàng Thị S

cũng đã có thời gian tìm hiểu nhau, cả hai người nảy sinh tình cảm và đều thương mến nhau nên đã quyết định đi đến hôn nhân, về chung sống với nhau. Năm 2007, chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2007; quyền sở hữu số 01/2007, cấp ngày 12/6/2007. Từ khi chị Hoàng Thị S về sống chung với anh Ninh Văn S, cuộc sống gia đình rất hạnh phúc, hai vợ chồng luôn thương yêu nhau và cùng nhau lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Trong thời gian chung sống với nhau, hai vợ chồng chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có sinh được 02 người con chung và anh Ninh Văn S cũng nhận con riêng của chị Hoàng Thị S làm con chung của vợ chồng và đã tiến hành đổi họ tên của con từ Hoàng Mạnh D thành Ninh Đức D. Do hoàn cảnh hai vợ chồng không có công việc ổn định, nên kinh tế gia đình eo hẹp. Trong thời gian chị Hoàng Thị S chăm sóc, nuôi con nhỏ, chồng chị Hoàng Thị S trở nên lười lao động, không lo chăm sóc con cái và gia đình. Chị Hoàng Thị S góp ý thì anh Ninh Văn S đánh chị Hoàng Thị S, xúc phạm chị Hoàng Thị S. Cuộc sống chung hạnh phúc chỉ kéo dài được đến đầu năm 2012, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Trong khoảng 3-4 năm trở lại đây anh Ninh Văn S thường xuyên đánh, chửi và đe dọa giết chị Hoàng Thị S, gây áp lực tinh thần cho chị Hoàng Thị S ngày càng trầm trọng. Cũng từ nguyên nhân đó dẫn đến tình cảm, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng ngày càng rạn nứt, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù đã được hai gia đình nội, ngoại khuyên nhủ và hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt được. Hiện nay, chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S đã ly thân với nhau được 01 năm. Chị Hoàng Thị S xác định tình cảm vợ chồng với anh Ninh Văn S không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xem xét, giải quyết cho ly hôn với anh Ninh Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có 03 người con chung tên là Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D), sinh ngày 16/6/2005 (Sinh ra trước thời kỳ hôn nhân được anh Ninh Văn S thừa nhận là con chung theo quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17/9/2008 của UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận cha, mẹ, con và quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của UBND xã C, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận thay đổi họ, chữ đệm của người con), Ninh Thị B, sinh ngày 07/8/2007 và Ninh Đức K, sinh ngày 23/10/2012. Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị S yêu cầu anh Ninh Văn S phải có trách nhiệm nuôi dưỡng hai người con là chung là Ninh Thị B và Ninh Đức K cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị S có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung là Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai vợ chồng chị Hoàng Thị S không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ninh Văn S không hợp tác, vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Con chung là cháu Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D) trình bày: Cháu học lớp 10 trường phổ thông trung học huyện Đ1, nhưng cháu đã nghỉ học ở nhà lao động phụ giúp mẹ, hiện nay cháu đang chung sống cùng mẹ là Hoàng Thị S tại Thôn K, xã C, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn; trong quá trình chung sống bố, mẹ cháu sống với nhau không hạnh phúc, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi chửi nhau. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bố, mẹ được ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với mẹ Hoàng Thị S.

Con chung là cháu Ninh Thị B trình bày: Cháu hiện nay đang học lớp 10 trường phổ thông trung học huyện Đ1, cháu đang chung sống cùng với bố cháu tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn; trong quá trình chung sống bố, mẹ cháu sống với nhau không hạnh phúc, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi chửi nhau. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bố, mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với bố là Ninh Văn S.

Cháu Ninh Đức K trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 5 tại trường tiểu học xã Đ, cháu đang chung sống cùng với bố là Ninh Văn S tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn; trong quá trình chung sống bố, mẹ cháu sống với nhau không hạnh phúc, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi chửi nhau. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bố, mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với bố là Ninh Văn S.

Tòa án nhân dân huyện Đình Lập tiến hành xác minh tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn là nơi chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S cư trú, xác định chị Hoàng Thị S với anh Ninh Văn S có đăng ký kết hôn tại xã Đ, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc và đã có với nhau 02 người con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên cuối năm 2021 chị Hoàng Thị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đồng thời mang theo con riêng của chị Hoàng Thị S là Hoàng Mạnh D (Ninh Đức D), còn 02 con chung vẫn tiếp tục ở lại với anh Ninh Văn S được anh Ninh Văn S cho ăn học đầy đủ, không bị hành hạ ngược đãi. Về điều kiện nuôi con đối với anh Ninh Văn S có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 60m² và đất vườn xung quang khoảng 200m², tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn, ngoài ra anh Ninh Văn S còn đứng tên sử dụng đất ruộng gồm 11 thửa đất diện tích 3.567,9m²; đứng tên sử dụng 02 thửa đất rừng sản xuất diện tích 98.724,4m², anh Ninh Văn S làm nghề lao động phổ thông có đủ sức khỏe để lao động đảm bảo có thu nhập để nuôi con. Chị Hoàng Thị S không đứng tên sử dụng đất, xác định không có tài sản là bất động sản trên địa bàn xã Đ, chị Hoàng Thị S làm nghề lao động phổ thông có đủ sức khỏe để lao động đảm bảo có thu nhập để nuôi con.

Tiến hành xác minh tại xã C, xác định cuối năm 2021 chị Hoàng Thị S quay về sinh sống với bố mẹ đẻ tại Thôn K, xã C, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay chị Hoàng Thị S không đứng tên sở hữu, sử dụng bất động sản trên địa

bàn xã C, chị Hoàng Thị S là lao động phổ thông sinh sống trên địa bàn xã C, mức thu nhập bình quân tại xã C là 49.000.000 đồng/người là đủ điều kiện để nuôi con.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn và con chung theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Hoàng Thị S ly hôn anh Ninh Văn S; về con chung, khi ly hôn giao cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D), sinh ngày 16/6/2005 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ninh Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Ninh Thị B, sinh ngày 07/8/2007 và cháu Ninh Đức K, sinh ngày 23/10/2012 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và vay nợ chung không xem xét giải quyết do chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S không yêu cầu; về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do không hợp tác nên anh Ninh Văn S không có mặt theo yêu cầu

của Tòa án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2007; quyền sở hữu số 01/2007, cấp ngày 12/6/2007, việc kết hôn là tự nguyện không ai bị ép buộc nên được coi là hôn nhân hợp pháp; sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng chị Hoàng Thị S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, đánh nhau, anh Ninh Văn S không lo làm ăn chăm sóc gia đình, chị Hoàng Thị S đã sống ly thân với anh Ninh Văn S từ cuối năm 2021. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị S.

[4] Về con chung, chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có 02 người con chung trong thời kỳ hôn nhân là Ninh Thị B, sinh ngày 07/8/2007 và Ninh Đức K, sinh ngày 23/10/2012. Và 01 người con tên là Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D), sinh ngày 16/6/2005, do chị Hoàng Thị S sinh ra trước thời kỳ hôn nhân được anh Ninh Văn S thừa nhận là con chung theo quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17/9/2008 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận cha, mẹ, con và quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận thay đổi họ, chữ đệm của người con, vì vậy xác định vợ chồng chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có 03 người con chung. Khi ly hôn chị Hoàng Thị S yêu cầu anh Ninh Văn S có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con là chung là Ninh Thị B và Ninh Đức K cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, yêu cầu này của chị Hoàng Thị S là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế hiện nay hai con đang chung sống cùng anh Ninh Văn S và phù hợp với điều kiện nuôi con của anh Ninh Văn S, tuy anh Ninh Văn S không hợp tác vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng trên cơ sở xác minh về điều kiện nuôi con thấy anh Ninh Văn S có điều kiện nuôi con tốt hơn chị Hoàng Thị S nên Hội đồng xét xử buộc anh Ninh Văn S phải có trách nhiệm nuôi hai người con chung. Giao cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung là Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với điều kiện nuôi con của chị Hoàng Thị S. Hai vợ chồng chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không có yêu cầu. Chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng chị Hoàng Thị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho chị Hoàng Thị S.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị S ly hôn anh Ninh Văn S.

2. Về con chung:

Giao cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Ninh Đức D (Hoàng Mạnh D), sinh ngày 16/6/2005 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Ninh Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Ninh Thị B, sinh ngày 07/8/2007 và cháu Ninh Đức K, sinh ngày 23/10/2012 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị S và anh Ninh Văn S không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự

có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung : Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về vay nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị S được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị Hoàng Thị S 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003701, ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung